

VĂN HỌC NƯỚC NGOÀI Ở TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG TRƯỚC YÊU CẦU ĐỔI MỚI GIÁO DỤC VIỆT NAM

Nguyễn Văn Hạnh

Đại học Vinh

Tóm tắt. *Đổi mới căn bản, toàn diện nền giáo dục đã trở thành một đòi hỏi cấp bách của thực tiễn, được xã hội đồng tình, hưởng ứng. Song đổi mới như thế nào? Nguyên tắc cơ bản để đổi mới là gì? Đổi mới những gì?... Từ cách nhìn đó, bài viết phân tích, lý giải một số vấn đề, như: mục tiêu dạy, học văn học nước ngoài ở trường THPT; thực trạng của việc dạy học văn học nước ngoài ở trường THPT và nguyên nhân của nó. Từ đó, đề xuất một số giải pháp cơ bản nhằm đổi mới, nâng cao chất lượng dạy, học văn học nước ngoài ở trường THPT, như: cấu trúc chương trình, đào tạo bồi dưỡng giáo viên, kiểm tra đánh giá kết quả học tập của học sinh.*

Ở nước ta, mục tiêu của giáo dục phổ thông đã được xác định rõ trong Luật giáo dục (2005), đó là “giúp học sinh phát triển toàn diện về đạo đức, trí tuệ, thể chất, thẩm mỹ và các kỹ năng cơ bản, phát triển năng lực cá nhân, tính năng động và sáng tạo, hình thành nhân cách con người Việt Nam xã hội chủ nghĩa, xây dựng tư cách và trách nhiệm công dân; chuẩn bị cho học sinh tiếp tục học lên hoặc đi vào cuộc sống lao động, tham gia xây dựng và bảo vệ Tổ quốc”. Với mục tiêu đó, môn văn trong nhà trường, trong đó có văn học nước ngoài, có một vị trí đặc biệt quan trọng, góp phần trang bị cho học sinh một tư duy năng động, sáng tạo, có khả năng liên kết và giải quyết vấn đề, đề xuất các ý tưởng độc đáo, giao tiếp và làm việc trong môi trường rộng lớn, đa quốc gia.

Từ rất sớm, trong chương trình trung học ban hành lần đầu tiên (1956), áp dụng cho hệ thống giáo dục ở miền Bắc, văn học nước ngoài được đưa vào với tư cách là một phân môn bắt buộc. Điều này là hết sức cần thiết. Việc được tiếp xúc với nhiều nền văn hoá, tích lũy được tri thức mới lạ sẽ giúp học sinh tự tin hơn khi tiếp xúc, giao lưu, gia nhập vào một không gian sống mang tính toàn cầu trong tương lai. Các tác phẩm như sử thi *Ramamayana* của Valmiky, thơ của Đỗ Phủ, M. Basho, kịch của W. Shakespeare, tiểu thuyết của V. Hugo, H. Balzac, E. Hemingway, truyện ngắn của M. Sholokhov... không chỉ mang lại cho các em những rung cảm thẩm mỹ trước những áng thơ, văn bất hủ mà còn trang bị cho các em những tri thức văn hoá về đất nước Ấn Độ, Trung Quốc, Nhật Bản, Anh, Pháp, Mỹ, Nga... Tầm hiểu biết, sự tự tin, tính năng động của các em, vì vậy cũng sẽ được tăng lên. Bên cạnh đó, nhiều vấn đề về lý luận văn học, mỹ học sẽ được nhận thức, bổ sung thông qua những tác giả, tác phẩm đặc sắc của văn chương nhân loại. Đây có thể xem là một thế mạnh, một khả năng riêng của văn học nước ngoài, chỉ có ở văn học nước ngoài. Mặt khác, việc được học các hiện tượng văn học nước ngoài bên cạnh văn học Việt Nam sẽ giúp các em nhận thức được những tương đồng, khác biệt giữa văn học Việt Nam và văn học thế giới. Từ đó các em có thêm lòng tự tôn dân tộc, tự tin hơn khi bước vào giao lưu hội nhập với bạn bè trên thế giới. Trong

xu thế toàn cầu hóa, khu vực hóa ngày nay, tính biệt lập, khép kín của các nền văn hóa, văn học đã bị phá vỡ. Thay vào đó là tiếp xúc, hội nhập. Trong bối cảnh đó, văn học nước ngoài ở trường THPT góp phần không nhỏ trong việc tạo dựng tâm thế, tri thức cho những công dân toàn cầu trong tương lai. Tuy nhiên, có một thực tế là hiện nay ở trường THPT, văn học nước ngoài đang mất dần vị thế, ít nhận được sự quan tâm của người dạy, người học. Đó là một thực trạng đáng buồn.

Kể từ ngày đất nước bước vào thời kỳ đổi mới, cùng với sự phát triển mạnh mẽ của kinh tế, văn hoá xã hội, nhiều chuẩn mực giá trị đã thay đổi. Con người sống mạnh mẽ, năng động và cũng gấp gáp, thực dụng hơn. Lối sống coi trọng giá trị vật chất, xem nhẹ đời sống tinh thần vốn xa lạ với truyền thống phương Đông, giờ đây có nguy cơ lan rộng, phổ biến trong xã hội, nhất là giới trẻ học sinh, sinh viên. Sự phát triển mạnh mẽ của khoa học kỹ thuật tạo ra những thay đổi nhanh chóng, đáp ứng nhiều nhu cầu trước mắt cho con người. Trong bối cảnh đó, khoa học xã hội nhân văn không được coi trọng trong đời sống xã hội. Hậu quả của nó là môn văn trong nhà trường ngày càng mất dần vị thế. Số lượng học sinh say mê học văn ngày một giảm, mặc dầu tình yêu văn chương, khả năng văn chương ở các em là rất lớn. Áp lực công việc khi vào đời, lối sống thực dụng, tâm lý đám đông đã lấn lướt niềm hứng thú văn chương. Thực trạng này với văn học nước ngoài còn tồi tệ hơn, mặc dù vẫn còn đó nhiều em học sinh yêu thích văn học nước ngoài, nhận ra sự sâu sắc, mới lạ của văn học nước ngoài. Với văn học Việt Nam, dù không muốn, các em cũng phải học, cho dù chỉ là đối phó. Học để làm bài kiểm tra, để vượt qua các kỳ thi. Văn học nước ngoài không có được cái “may mắn” đó. Học sinh không cần học văn học nước ngoài vẫn có thể ra trường, vào đại học. Sự xem nhẹ môn văn, không quan tâm đến văn học nước ngoài có nguyên nhân ở đó. Không thi, không học. Đó là lối hành xử phổ biến trong tuyệt đại bộ phận học sinh THPT hiện nay. Bên cạnh đó, sự giảm sút tình cảm nghề nghiệp, ý thức trách nhiệm của giáo viên cũng là một nguyên nhân không nhỏ dẫn tới tình trạng dạy, học văn như hiện nay. Những giáo viên say nghề, tâm huyết với nghề dạy văn dường như càng ngày càng hiếm. Đó là một thực trạng đáng báo động cho nền giáo dục, và xa hơn là cho xã hội. Quay lưng với văn học là quay lưng với các giá trị làm người.

So với văn học Việt Nam, việc dạy học văn học nước ngoài ở trường phổ thông có những thuận lợi, khó khăn riêng. Các tác phẩm được chọn học đều là những tác phẩm đỉnh cao của văn chương nhân loại. Ở đó hội tụ nhiều tri thức văn hóa, văn học được chuyển tải trong những hình thức nghệ thuật mới, lạ, độc đáo. Không có tham vọng khai thác hết các tầng ý nghĩa của tác phẩm, song chỉ cần những định hướng, gợi mở của giáo viên, học sinh đã được tiếp xúc với những tinh hoa văn học thế giới, mà rất nhiều giá trị đặc sắc của nó không thể tìm được ở bất cứ ở nơi nào. Sự tinh tế, trữ tình trong thơ Đường, sự thâm trầm đậm màu thiên trong thơ M. Basho; những phân tích tâm lý tinh tế, sắc sảo, đa chiều trong kịch W. Shakespeare, tiểu thuyết V. Hugo, H. Balzac, H. Hemingway, truyện ngắn M. Sholokhov... có khả năng mang lại cho các em những rung động thẩm mỹ tinh tế, những nhận thức sâu sắc về con người, cuộc sống. Rất nhiều vấn đề, nhiều ý nghĩa không thể tìm thấy trong văn học Việt Nam. Đó vừa là ưu thế,

vừa là thách thức đối với người dạy, người học. Để hướng dẫn học sinh đọc hiểu được những tác phẩm như vậy, giáo viên phải được trang bị một vốn tri thức về lịch sử, văn hoá, văn học phong phú, đa dạng. Làm sao giáo viên có thể lý giải được cho học sinh một cách thấu đáo cơn ghen và cách hành xử của nhân vật Rama trong đoạn trích *Rama buộc tội* (Văn 10) nếu không hiểu quan niệm về người anh hùng trong thời đại sử thi? Và cũng như vậy, làm sao thầy, cô giáo có thể giúp học sinh đọc hiểu thơ Haiku của M. Basho khi chưa có vốn tri thức về văn hoá Nhật Bản truyền thống? Đây là yêu cầu mà không phải giáo viên nào cũng đáp ứng được. Làm thế nào để chiếm lĩnh được những thế giới nghệ thuật đặc sắc, đa dạng ấy? Và làm sao để chuyển tải được những giá trị tư tưởng - nghệ thuật đặc sắc ấy đến được các em? Hiểu được đã khó, hướng dẫn các em khám phá được càng khó hơn. Đó thực sự là những thách thức không dễ vượt qua đối với giáo viên THPT. Trong khi đó, công tác đào tạo bồi dưỡng giáo viên văn THPT còn nhiều bất cập.

Đội ngũ giáo viên văn đang trực tiếp giảng dạy môn văn ở trường THPT hiện nay có nhiều thế hệ. Có những giáo viên đã đứng lớp gần 30 năm, bên cạnh đó là những giáo viên tuổi đời và tuổi nghề còn rất trẻ. Họ lại được đào tạo từ nhiều nguồn, ở nhiều trường khác nhau. Có những người được học ở những trường có bề dày truyền thống trong việc đào tạo giáo viên văn học, như Đại học Sư phạm Hà Nội, Đại học Vinh, Đại học Sư phạm thành phố Hồ Chí Minh, Đại học Sư phạm Huế... Song cũng có không ít giáo viên được đào tạo ở những trường mà ngành sư phạm văn chưa có nhiều thành tựu, đội ngũ giảng viên văn học nước ngoài còn mỏng. Bên cạnh đó, chất lượng đội ngũ giảng viên, chương trình đào tạo của các trường đại học cũng rất khác nhau. Một thực tế là trong nhiều năm liền, có những trường đại học sư phạm chưa theo kịp sự thay đổi của chương trình THPT. Nhiều nội dung có trong chương trình phổ thông nhưng chưa được quan tâm nhiều trong chương trình đại học. Văn học Nhật, là một ví dụ. Những kiến thức về M. Basho và thơ Haiku, và bao quát hơn là về văn hoá, văn học Nhật rất nhiều giáo viên phổ thông chưa được trang bị. Tình hình này cũng diễn ra với một số tác giả, tác phẩm văn học Mỹ, văn học Ấn Độ. Trước năm 1990, phần văn học Ấn Độ (mà trọng tâm là sử thi *Ramayana* và thơ R. Tagore) chỉ được giảng dạy ở một số trường đại học sư phạm. Vì vậy, có một thực tế khá phổ biến hiện nay là rất nhiều giáo viên phải dạy những điều mình chưa được học, thậm chí là chưa từng biết. Họ chỉ còn biết dựa vào hướng dẫn giảng dạy, và chừng nào đó là một ít tài liệu tham khảo. Trong khi đó, công tác bồi dưỡng giáo viên còn nhiều bất cập. Sự thiếu hụt những tri thức cơ bản về văn hóa văn học nước ngoài, thêm vào đó là sự sụt giảm tình cảm nghề nghiệp ở giáo viên đã ảnh hưởng không nhỏ đến chất lượng dạy, học văn học nước ngoài ở các trường THPT. Đó vừa là hệ quả lại vừa là tác nhân dẫn tới việc văn học nước ngoài trong nhà trường ngày càng mất dần vị thế như hiện nay.

Những phân tích trên đây cho thấy, việc dạy học văn học nước ngoài ở trường THPT hiện nay đang bộc lộ nhiều bất cập, cần phải thay đổi. Tuy nhiên, đây là điều không dễ, thậm chí là bất khả thi nếu chỉ có sự nỗ lực của riêng ngành giáo dục. Từ

cách nhìn đó, trước mắt theo chúng tôi, có ba vấn đề cần được quan tâm, thay đổi. Đó là: cấu trúc chương trình, bồi dưỡng giáo viên, kiểm tra đánh giá.

Nhìn lại chương trình môn văn ở THPT trong mấy chục năm qua, không khó để nhận ra nhiều đổi thay, biến động. Trong đó có những thay đổi thuộc về quan điểm giáo dục, cấu trúc chương trình, có thay đổi thuộc về lựa chọn tác giả, tác phẩm. Trong chương trình hiện hành, dù là chương trình chuẩn hay chương trình nâng cao, đều gồm năm bộ phận hợp thành: văn học Việt Nam, tiếng Việt, làm văn, văn học nước ngoài, lý luận văn học. Trong đó, số tiết văn học nước ngoài chiếm một tỷ lệ không lớn, ít hơn rất nhiều so với văn học Việt Nam. Điều này là hợp lý. Song khi đặt trong tương quan với hai phần tiếng Việt và làm văn thì dường như ở đây có vấn đề, cần phải được trao đổi thêm². Nhất là khi tích hợp đã được xem là nguyên lý căn bản để thiết kế chương trình, định hướng giảng dạy, kiểm tra đánh giá. Từ chương trình đầu tiên (1956) qua chỉnh lý (1979), hợp nhất, phân ban (1979 - 2000), chương trình chuẩn, nâng cao (2001 – nay) đã có nhiều thay đổi. Các hiện tượng văn học được chọn học bao quát trên một diện rộng, có chiều sâu, gồm nhiều tác giả tác phẩm tiêu biểu của các nước ở các châu lục, ở mọi thời đại. Điều đáng tiếc là cho đến nay, văn học Đông Nam Á, một khu vực văn học có bề dày truyền thống với nhiều thành tựu đặc sắc, còn chưa có mặt trong chương trình. Trong khi đó, từ thập niên 80 lại nay, Việt Nam hội nhập ngày càng sâu rộng vào Đông Nam Á, khẳng định được vị trí của mình ở khu vực. Quá trình này đã được nhận thức là tất yếu trong xu thế hội nhập và phát triển đất nước. Việc trang bị cho các em học sinh THPT những tri thức về văn hóa, văn học Đông Nam Á, vì vậy là rất cần thiết. Ý tưởng về một chương trình phổ thông linh hoạt đã được nhiều người nói đến, trong đó có môn văn. Tuy nhiên, dù có linh hoạt, “mở” đến đâu thì đều phải dựa trên một nguyên tắc cấu trúc cơ bản là phù hợp với mục tiêu giáo dục đã được luật định. Với cách nhìn ấy, chương trình môn văn, trong đó có văn học nước ngoài, cần giảm bớt những tri thức mang tính hàn lâm. Điều này vừa đáp ứng mục tiêu giáo dục phổ thông vừa phù hợp với tâm lý, khả năng tiếp nhận của học sinh THPT.

Để nâng cao chất lượng dạy học văn học nước ngoài ở trường phổ thông, việc bồi dưỡng, đào tạo lại giáo viên là hết sức cần thiết. Nhận rõ điều này, nhiều năm qua bộ Giáo dục và Đào tạo đã tổ chức những đợt tập huấn, chuyên đề nhằm bồi dưỡng và bổ túc kiến thức và phương pháp giảng dạy cho giáo viên. Tuy nhiên, trên thực tế hiệu quả chưa cao, còn rơi vào hình thức. Để có được kết quả, thiết nghĩ bộ Giáo dục và Đào tạo phải xem đây là một hoạt động thường xuyên, bắt buộc hàng năm đối với giáo viên. Bên cạnh đó, chương trình, nội dung bồi dưỡng phải có trọng tâm, trọng điểm, tránh dàn trải. Ưu tiên trước hết là những tác giả mới, khó trong chương trình văn học nước ngoài. Sau mỗi đợt bồi dưỡng phải có kiểm tra đánh giá cụ thể bằng những bài thi. Nếu giáo viên nào không đạt yêu cầu bắt buộc phải bồi dưỡng lại. Để hỗ trợ giáo viên hoàn thành nội dung bổ túc, bồi dưỡng kiến thức, bộ Giáo dục và Đào tạo nên hỗ trợ về kinh phí và có

(²) . Số tiết của các phân môn trong cấu trúc chương trình môn văn THPT (10, 11, 12) hiện nay như sau: *Chương trình chuẩn*: 145 (VHVN), 114 (TLV), 42 (TV), 28 (VHNN), 4 (LLVH); *Chương trình nâng cao*: 179 (VHVN), 105 (TLV), 45 (TV), 33 (VHNN), 8 (LLVH).

chế tài bắt buộc, xem đó là nhiệm vụ hàng năm của giáo viên. Một trong những vấn đề cốt lõi làm nên chất lượng cho những đợt bồi dưỡng chuyên môn văn học nước ngoài là đội ngũ giáo viên làm công tác bồi dưỡng. Những đợt bồi dưỡng thay sách, chuyên đề thường niên do chuyên viên sở hoặc giáo viên các trường (thường là tổ trưởng văn) tiếp thu ở bộ về bồi dưỡng lại cho đồng nghiệp. Cách làm này có ưu điểm là nhanh, đỡ tốn kém, tiết kiệm được thời gian, song kết quả không cao vì sự dễ dãi và cả sự bất cập về chuyên môn của những người lên lớp. Vì lẽ đó, thay vì cử chuyên viên của sở, giáo viên THPT, bộ Giáo dục và Đào tạo nên yêu cầu các trường đại học có đội ngũ giảng viên chuyên ngành văn học nước ngoài có trình độ cao, có kinh nghiệm sư phạm trực tiếp lên lớp, bồi dưỡng bổ túc kiến thức cho giáo viên, trước hết là những phần mới, khó trong chương trình. Xem đây không chỉ là bổ túc, bồi dưỡng kiến thức mà là đào tạo lại hàng năm theo một kế hoạch tổng thể, mang tính chiến lược. Chỉ có như vậy, chúng ta mới có được một đội ngũ giáo viên THPT đủ sức đáp ứng yêu cầu về chuyên môn, nhất là ở một phân môn đòi hỏi một vốn kiến thức phong phú, đa dạng với tầm bao quát rộng như văn học nước ngoài.

Ở trên chúng tôi đã nói tới một thực trạng đáng buồn là lối sống thực dụng như một thứ bệnh dịch lây nhiễm vào nhà trường và có xu hướng ngày càng trầm trọng. Không học, không thi; thậm chí với giáo viên không thi, không dạy, hoặc có dạy cũng chỉ là đối phó. Văn học nước ngoài đang phải hứng chịu lối ứng xử ấy. Sự buông lỏng quản lý chuyên môn của các cấp quản lý giáo dục, vô hình trung đã hỗ trợ cho thứ bệnh dịch ấy phát triển, lây lan. Nhìn lại cấu trúc chương trình môn văn THPT, một thực tế là hầu hết các bài học văn học nước ngoài đều được bố trí vào cuối mỗi học kỳ, khi mà việc kiểm tra đánh giá kết quả học tập môn học của các em về cơ bản đã hoàn tất. Điều đó cũng có nghĩa là, phần văn học nước ngoài mặc nhiên đã bị loại ra khỏi nội dung kiểm tra đánh giá. Trong 24 bài làm văn (bao gồm cả trên lớp và ở nhà) không có một quy định bắt buộc nào dành riêng cho văn học nước ngoài. Vì lẽ đó, tâm lý ngại khó, dễ dãi của giáo viên đã dẫn tới việc không có một bài tập làm văn nào của học sinh làm về văn học nước ngoài. Thêm vào đó đề thi tốt nghiệp chỉ có một câu 2 điểm (nhiều năm thuộc phần tự chọn) về văn học nước ngoài dưới hình thức kiểm tra kiến thức cơ bản (đúng hơn là sơ đẳng) về tác giả, tác phẩm. Học sinh không cần học văn học nước ngoài cũng có thể hoàn thành tốt bài thi. Là một phần khó học, khó nhớ, lại không phải kiểm tra, thi cử suốt trong ba năm THPT, học sinh không học cũng là điều dễ hiểu. Khi học sinh không học, và không ảnh hưởng đến kết quả thi cử, đánh giá cuối cùng của học sinh, thầy cô sẽ không dạy, hoặc chỉ dạy cho xong. Đây là một thực trạng phổ biến trong các trường THPT hiện nay. Làm thế nào để kéo các em trở lại với phần văn học nước ngoài trong chương trình, tạo hứng thú và áp lực cho giáo viên trong giảng dạy? Lời giải cho bài toán đó nằm ở chủ trương, cách điều hành quản lý chuyên môn từ bộ Giáo dục và Đào tạo đến các trường THPT. Việc sắp xếp lại hợp lý hơn cấu trúc chương trình môn văn chúng tôi đã đề cập đến ở trên. Ở đây chỉ nói thêm về phần kiểm tra đánh giá. Thiết nghĩ việc cần làm và phải làm, trước hết là trong phần kiểm tra đánh giá thường xuyên nên có quy định bắt buộc phải có nội dung kiểm tra thuộc phần văn học

nước ngoài. Thi kiểm tra cuối kỳ bắt buộc phải có nội dung văn học nước ngoài theo một tỷ lệ tương ứng với các nội dung khác trong chương trình môn học. Điều này là hợp lý. Để đảm bảo tính khách quan và tránh học trò học tủ, giáo viên dạy đối phó, các trường nên xây dựng ngân hàng đề thi cho môn học. Trong đó, các phân môn đều có nội dung kiểm tra đánh giá. Với phần tiếng Việt, nội dung đánh giá là ở khả năng thực hành tiếng Việt (tổ chức văn bản, dùng từ, diễn đạt...); với phần tập làm văn, nội dung đánh giá là ở kỹ năng xử lý đề bài, cấu trúc bài viết; với phần lý luận văn học, nội dung đánh giá là khả năng vận dụng kiến thức lý luận trong phân tích tác phẩm. Theo hướng đó, cấu trúc đề thi sẽ toàn diện, theo đúng tinh thần mọi nội dung học đều được kiểm tra đánh giá. Kiến thức của các em theo đó cũng đầy đủ, toàn diện hơn. Đề thi học kỳ sẽ được thực hiện theo hình thức tổ hợp nhiều phần, bốc thăm ngẫu nhiên. Cách làm này sẽ có tác động tích cực đến ý thức học tập của học sinh và trách nhiệm giảng dạy của giáo viên, dễ làm, dễ thực hiện. Trong chương trình thi quốc gia ở môn văn nên có nội dung thi bắt buộc phần văn học nước ngoài. Điều này là phù hợp với lý luận và thực tiễn, góp phần vào quá trình hội nhập đang diễn ra ngày càng mạnh mẽ.

Tình trạng lạc hậu, yếu kém của ngành giáo dục Việt Nam đã được nói đến nhiều trong các hội thảo khoa học, trên các diễn đàn xã hội. Đổi mới căn bản, toàn diện nền giáo dục trở thành một đòi hỏi cấp bách của thực tiễn cuộc sống. Nó đòi hỏi một sự vào cuộc quyết liệt của cả hệ thống chính trị, mà trước hết là ngành giáo dục. Đổi mới dạy học văn ở trường THPT, trong đó có văn học nước ngoài, phải được nhìn nhận từ quan điểm ấy.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Lê Nguyên Cẩn (Chủ biên, 2006), *Tác gia tác phẩm văn học nước ngoài trong nhà trường*, Nxb Đại học sư phạm, Hà Nội.
- [2] Nguyễn Văn Hạnh, (2011), *Giảng dạy văn học nước ngoài ở trường trung học phổ thông - Thực trạng và giải pháp* (Khảo sát trên địa bàn hai tỉnh Nghệ An và Hà Tĩnh), Mã số: B 2010 - 27 - 93.
- [3] Tạ Đức Hiền (1998), *Thơ văn nước ngoài trên trang sách phổ thông trung học*, Nxb Hải Phòng.
- [4] Nguyễn Thị Lan (2010), *Văn học nước ngoài trong nhà trường*, Nxb Hội nhà văn, Hà Nội.
- [5] Nhiều tác giả (2000), *Những chân trời văn chương*, Nxb Hội nhà văn, Hà Nội.
- [6] Phùng Văn Tửu (2008), *Cảm thụ giảng dạy văn học nước ngoài*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.

FOREIGN LITERATURE AT HIGH SCHOOL TO THE REQUIREMENT OF VIETNAM EDUCATIONAL REFORMATION

Nguyen Van Hanh

Vinh University

Abstract. *Radical and comprehensive renovation of education and training has become an urgent requirement of current practice, consent and response of society. However some unanswerable questions are: How to make innovations? What is the basic principle for innovation? What need to be done to make innovations? From this perspective, the article analyzes, explains some issues, such as teaching and training objectives of foreign literature in high school, the actual situations of teaching foreign literature at high schools and its causes. In consequence, a number of solutions to fundamental innovation, improving the quality of teaching, learning foreign literature in high schools, such as program structure, teacher training, assessment and test of students' learning results are proposed in the article.*